NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

HỆ THỐNG THANH ĐIỆU TIẾNG THÁI LAN
THAI LANGUAGE'S TONING SYSTEM

NGUYỄN TƯƠNG LAI
(PGS. TS; Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Similar to Vietnamese, Thai language has tones. Through phoneme analysis, it is recognised that Thai language has 5 phoneme tones. Linguists have used modern devices in order to differentiate typical phonetics of Thai and started depicting them. Basing on that, the article shows the function and combination possibility of each tone in Thai language. The article also points out that there are 2 variants of 2 phonemes among the 5 phoneme tones. Thus, it can be said that there are 5 phoneme tones and 2 vibrants in Thai.

Key words: phoneme tones; Thai language; variants of tone in Thai languge.

Cũng giống như tiếng Việt, tiếng Thái Lan thuộc loại ngôn ngữ có thanh điệu. Thanh điệu cũng có mặt trong tất cả các loại âm tiết tiếng Thái Lan và thanh điệu cũng có những đơn vị có khả năng khu biệt nghĩa và hoạt động với tư cách là một âm vị độc lập. Sau đây chúng ta hãy xác định từng loại âm vị thanh điệu của tiếng Thái Lan bằng các thao tác phân xuất âm vị như sau:

[k‘a] “chặn” [tɔ] “gộc, cộc”
——————— ——————— =>
/Thanh 1/ – /Thanh 2/
[k‘a`] “(củ) riềng” [tɔ̀] “nối”

[t‘a] “bôi” [to] “to, lớn”
——————— ——————— => /thanh 1/ - /thanh 3/
[t‘a^] “nếu” [to^] “trả lời”

[ma] “đến” [nɔŋ] “ ngập”
——————— ——————— => /thanh 1/ - /thanh 4/
[ma´] “ngựa” [nɔŋ´] “em”
[ka] “quạ” [t‘am] “ốp”
——————— ——————— => /thanh 1/ - /thanh 5/
[kaˇ] “ra oai” [t‘amˇ] “hỏi”

[k‘a] “chặn” - [k‘a`] “(củ) riềng” - [k‘a^] “giá”- [k‘a´] “buôn”- [k‘aˇ] “chân” =>/thanh 1/ - /thanh 2/ - /thanh 3/ - /thanh 4/ - /thanh 5/. Như vậy, tiếng Thái Lan có tất cả 5 thanh. Các thanh của tiếng Thái Lan được gọi là:

- Thanh 1: Xiểng Xả-măn (Thanh Xả-măn)
- Thanh 2: Xiểng Êệk (Thanh Êệk)
- Thanh 3: Xiểng Thô (Thanh Thô)
- Thanh 4: Xiểng Tri (Thanh Tri)
- Thanh 5: Xiểng Chặt-ta-wa (Thanh Chặt-ta-wa)

1. Nhận diện và miêu tả các thanh điệu của tiếng Thái Lan

Các nhà Thái ngữ học khi nghiên cứu thanh điệu của tiếng Thái Lan đã sử dụng nhiều loại máy móc khác nhau để nhận biết thanh điệu. Trên cơ sở nhận biết đó các nhà Thái ngữ học mới có thể miêu tả các đặc trưng ngữ âm của từng thanh điệu. Để có được những cơ sở đúng đắn cho việc miêu tả các thanh điệu của tiếng Thái Lan, trước hết chúng tôi xin được giới thiệu những kết quả nghiên cứu mới đây của nhà ngôn ngữ học Thái Lan Pim-xển Bua-ra-pa với luận án Tiến sĩ: “Phân tích tương phản hệ thống thanh điệu tiếng Thái Lan và tiếng Việt - ứng dụng phân tích lỗi và sửa lỗi phát âm thanh điệu cho người Thái Lan học tiếng Việt”.[1]

Để nhận diện và phân tích các thanh của tiếng Thái Lan, Pim-xển Bua-ra-pa đã thu thập các dữ liệu qua 2 giọng phát âm của 2 người Thái Lan cư trú tại Băng-cốc, chưa từng thay đổi chỗ ở, 1 nam, 1 nữ. Sau đó tác giả đã sử dụng các chương trình phần

[1] Xin xem: Pim-xển Bua-ra-pa. *Phân tích tương phản hệ thống thanh điệu tiếng Thái Lan và tiếng Việt - ứng dụng phân tích lỗi và sửa lỗi phát âm thanh điệu cho người Thái Lan học tiếng Việt*; - Luận án Tiến sĩ Ngữ Văn, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 2005. Các hình ảnh kết quả của từng thanh điệu là của công trình luận án này.

mềm của máy vi tính trong việc miêu tả ngữ âm - âm vị học như Win CECIL, Speech Analyzer, PRAAT. Những miêu tả này bao gồm miêu tả các đặc trưng cấu âm và đặc trưng âm học bằng hình ảnh mô hình và hình ảnh quang phổ, biểu diễn các tần số cơ bản bằng đơn vị Semitone.

Sau đây là kết quả của từng thanh điệu:[2]

1.1. Xiểng Xả-măn (Thanh 1): Với từ ค้า [kʻa] "chặn"

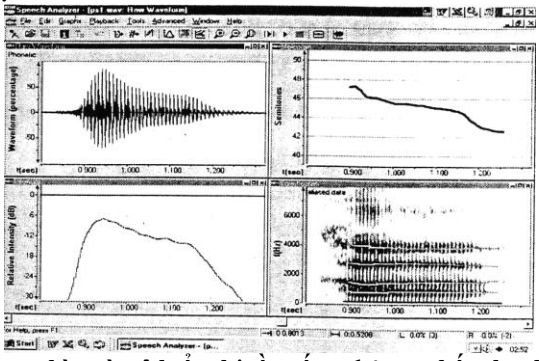

Ta nhìn vào ô biểu thị tần số cơ bản sẽ thấy thanh Xả-măn có điểm xuất phát từ 47,17 Semitone và điểm kết thúc là 42,60 Semitone. Có nghĩa là thanh Xả-măn có điểm xuất phát ở cao độ hơi cao, có đường nét bằng phẳng đi dần xuống, trường độ là 470 msec. Thanh Xả-măn có chất giọng thường, không bị ngừng ngắt đột ngột. Thanh này có đặc điểm ngữ âm tương tự như thanh Bằng của tiếng Việt. Trong chữ viết, thanh Xả-măn không biểu thị bằng kí hiệu gì.

Xin nêu một số ví dụ về những từ có thanh Xả-măn như sau: [3]

มา [ma] "đến"; แดง [dɛŋ] "đỏ"; เดิม [dɤm] "trước kia"; เตียง [tiəŋ] "giường"; เมือง [mɯaŋ] "đất nước" คน [kʻon] "người"

1.2. Xiểng Êệk (Thanh 2): Với từ ข่า [kʻa`] "(củ) riềng"

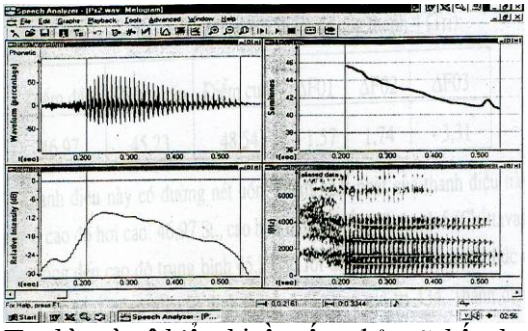

Ta nhìn vào ô biểu thị tần số cơ bản sẽ thấy thanh Êệk có điểm xuất phát từ 45,52 Semitone và điểm kết thúc là 40,85 Semitone. Có nghĩa là thanh Êệk có điểm xuất phát ở cao độ trung bình. Cũng giống như thanh Xả-măn, thanh Êệk có đường nét bằng phẳng đi dần xuống, trường độ là 334 msec. Thanh Êệk có chất giọng thường, không bị ngừng ngắt đột ngột. Thanh Êệk có đặc điểm ngữ âm tương tự như thanh Huyền của tiếng Việt.

Trong chữ viết, thanh Êệk được biểu thị bằng kí hiệu ˧˩ hoặc không biểu thị bằng kí hiệu gì. Xin nêu một số ví dụ về những từ có thanh Êệk như sau:

ด่า [da` ] "chửi"; เก่ง [ kèŋ`] "giỏi"; ตื่น [tɯn`] "thức dậy".

1.3. Xiểng Thô (Thanh 3): Với từ ค่า [kʻa^] "giá"

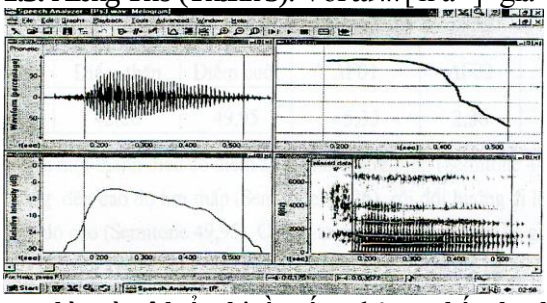

Ta nhìn vào ô biểu thị tần số cơ bản sẽ thấy thanh Thô có điểm xuất phát từ 49,06 Semitone và điểm kết thúc là 41,03 Semitone. Có nghĩa là thanh Thô có điểm xuất phát ở cao độ cao, đường nét bằng phẳng đi dần lên cao được khoảng 2/3 âm tiết thì đi xuống đột ngột và kết thúc ở cao độ hơi thấp, trường độ là 351 msec. Thanh Thô có hiện tượng tắc thanh hầu ở cuối âm tiết làm cho bị ngừng ngắt đột ngột.

Trong chữ viết, thanh Thô được biểu thị bằng kí hiệu ˧ˇ, cũng có trường hợp biểu thị bằng kí hiệu ˧˥ hoặc không biểu thị bằng kí hiệu gì.

Xin nêu một số ví dụ về những từ có thanh Thô như sau:

[2] Trong mỗi hình ảnh này: 2 ô hàng trên có ô bên trái là biểu thị dạng sóng âm (Waveform), ô bên phải là biểu thị tần số cơ bản (Fundamental frequency); 2 ô hàng dưới có ô bên trái là biểu thị sự thay đổi cấu âm, ô bên phải là biểu thị thanh phổ của âm tiết.

[3] Các ví dụ tiếng Thái Lan trong bài viết được phiên âm bằng hệ thống phiên âm quốc tế với phông chữ IPA. Các nguyên âm đôi được gạch phía dưới cả hai chữ nguyên âm.

ห้า [ha^] "(số) năm"; บ้าน [ban^] "nhà"

ไม่ [mặi^] "không"

1.4. Xiểng Tri (Thanh 4): Với từ ค้า [k'a´] "buôn"

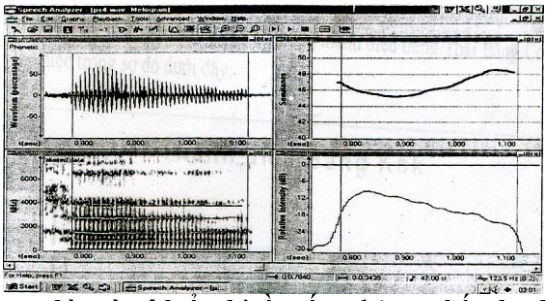

Ta nhìn vào ô biểu thị tần số cơ bản sẽ thấy thanh Tri có điểm xuất phát từ 46,97 Semitone và điểm kết thúc là 48,54 Semitone. Có nghĩa là thanh Tri có điểm xuất phát ở cao độ hơi cao, đường nét bằng phẳng ban đầu đi dần hơi thấp hơn điểm xuất phát một chút (45,23 Semitone) rồi lên cao đột ngột và kết thúc ở cao độ cao. Thanh Tri có trường độ là 343 msec. Thanh Tri có đặc điểm ngữ âm tương tự như thanh Sắc của tiếng Việt.

Trong chữ viết, thanh Tri được biểu thị bằng kí hiệu -̋, cũng có trường hợp biểu thị bằng kí hiệu -̌ hoặc không biểu thị bằng kí hiệu gì.

Xin nêu một số ví dụ về những từ có thanh Tri như sau:

เก๊ [ke´] "rởm, giả"; เจ๊ง [cĕŋ´] "sạt nghiệp"

น้ำ [nam´] "nước"

1.5. Xiểng Chặt-ta-wa (Thanh 5): Với từ ขา [k'a˘] "chân"

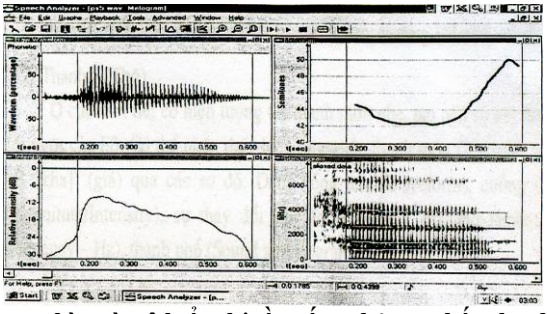

Ta nhìn vào ô biểu thị tần số cơ bản sẽ thấy thanh Chặt-ta-wa có điểm xuất phát từ 44,62 Semitone và điểm kết thúc là 49,95 Semitone. Có nghĩa là thanh Chặt-ta-wa có điểm xuất phát ở cao độ trung bình, sau đó đi dần xuống đến cao độ hơi thấp (42,26 Semitone) rồi đổi hướng đi dần lên và kết thúc ở cao độ cao 49,95 Semitone. Thanh Chặt-ta-wa có trường độ là 407 msec. Thanh Chặt-ta-wa có hiện tượng tắc thanh hầu ở đoạn giữa âm tiết. Thanh Chặt-ta-wa có đặc điểm ngữ âm tương tự như thanh Hỏi của tiếng Việt.

Trong chữ viết, thanh Chặt-ta-wa được biểu thị bằng kí hiệu -̣ hoặc không biểu thị bằng kí hiệu gì.

Xin nêu một số ví dụ về những từ có thanh Chặt-ta-wa như sau:

จ๋า [ca˘] "ơi"; ตั๋ว [tuo˘] "vé"

เดี๋ยว [dieu˘] "chốc, lát"

1.6. Nếu theo các kết quả trên đây thì ta có thể biểu diễn các thanh điệu của tiếng Thái Lan trên cùng một đồ thị như sau:

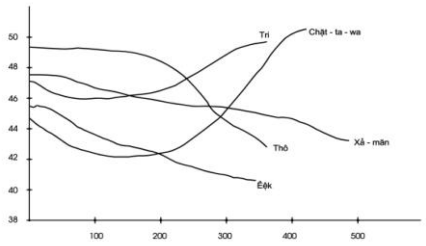

Nếu theo kết quả phân tích thực nghiệm của Abramson bằng Sound Spectrograph thì kết quả có phần khác với kết quả trên đây ở chỗ thanh Tri là thanh có điểm xuất phát cao hơn thanh Xả-măn và được xếp vào loại thanh có cao độ cao.

Sau đây là đồ thị biểu diễn các thanh điệu tiếng Thái Lan của Abramson:[4]

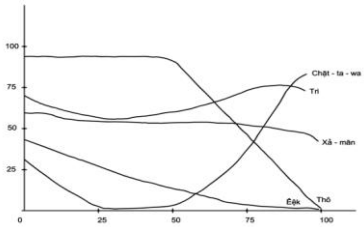

Nhà ngôn ngữ học Thái Lan Kan-chạ-na Nák-xạ-kun cũng đã có kết quả giống với Abramson. Tuy thanh Êệk và thanh Xả-măn có điểm xuất phát gần

[4] Xem: Abramson. *The vowels and tones of 5 standard Thai: Acoustical measurements and experiments*. IJAL 28.2, Part II, 1962. (Dẫn theo: Pim-xển Bua-ra-pa. *Phân tích tương phản hệ thống thanh điệu…*, Đã dẫn)

như trùng nhau nhưng dù sao thanh Êệk cũng có đường nét đi xuống thấp hơn thanh Xả-măn. Thanh Tri cũng là thanh có điểm xuất phát cao hơn thanh Xả-măn và cũng được xếp vào loại thanh có cao độ cao. Sau đây là đồ thị biểu diễn các thanh điệu tiếng Thái Lan của Kan-chạ-na Nák-xạ-kun: [5]

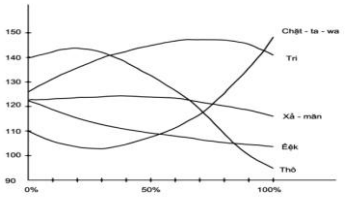

Qua các kết quả phân tích thực nghiệm của 3 tác giả trên đây chúng ta thấy cách phân tích của Pim-xển Bua-ra-pa có phần chưa được thuyết phục khi cho rằng thanh Tri và thanh Xả-măn có điểm xuất phát ở cao độ hơi cao như nhau và thậm chí thanh Xả-măn còn có điểm xuất phát cao hơn thanh Tri. Theo tôi cảm nhận và cũng được hậu thuẫn bằng các kết quả của Abramson và Kan-chạ-na Nák-xạ-kun thì thanh Tri là thanh phải có điểm xuất phát cao hơn thanh Xả-măn. Nếu coi thanh Xả-măn là thanh có cao độ trung bình thì phải coi thanh Tri là thanh có cao độ cao. Chính vì vậy tôi có xu hướng thiên về chấp nhận 2 đồ thị của 2 tác giả là Abramson và Kan-chạ-na Nák-xạ-kun và nên chia cao độ của các thanh điệu thành 3 bậc là: Cao, Trung bình, và Thấp.

Với những đặc điểm ngữ âm trên đây của thanh điệu, chúng ta có thể phân các thanh của tiếng Thái Lan thành từng nhóm theo những tiêu chí ngữ âm khác nhau. Trước hết, nếu dựa trên tiêu chí cao độ thì có thể phân các thanh điệu tiếng Thái Lan thành 3 nhóm:

- Nhóm thanh Cao bao gồm thanh Thô và thanh Tri. Đây là các thanh có điểm xuất phát ở cao độ cao. Trong toàn bộ trường độ của âm tiết (đối với thanh Tri) hoặc gần hết trường độ của âm tiết (đối với thanh Thô), các thanh này đều ở cao độ cao.

- Nhóm thanh Trung có thanh Xả-măn. Thanh Xả-măn có điểm xuất phát ở cao độ trung bình và giữ độ cao trung bình này trong toàn bộ trường độ của âm tiết.

- Nhóm thanh Thấp bao gồm thanh Êệk và thanh Chặt-ta-wa. Đây là các thanh có điểm xuất phát ở cao độ thấp. Trong toàn bộ trường độ của âm tiết (đối với thanh Êệk) hoặc gần hết trường độ của âm tiết (đối với thanh Chặt-ta-wa), các thanh này đều ở cao độ thấp.

Dựa trên tiêu chí đường nét có thể phân các thanh điệu tiếng Thái Lan thành 2 nhóm:

- Nhóm có đường nét bằng phẳng, không đổi hướng bao gồm thanh Tri, thanh Xả-măn và thanh Êệk. Thanh Tri có đường nét hướng dần thẳng lên cao; thanh Xả-măn có đường nét hơi đi thẳng dần xuống một chút và cũng có thể cho là có hướng đi ngang bằng đều; thanh Êệk có đường nét hướng dần xuống thấp hơn điểm xuất phát.

- Nhóm có đường nét không bằng phẳng, đổi hướng bao gồm thanh Thô và thanh Chặt-ta-wa. Thanh Thô ban đầu có đường nét đi dần lên cao hơn điểm xuất phát một chút, sau đó đột ngột đổi hướng đi dần xuống và kết thúc ở cao độ thấp hơn cả các thanh thấp; thanh Chặt-ta-wa ban đầu có đường nét đi dần xuống thấp hơn điểm xuất phát, sau đó đổi hướng đi dần lên và kết thúc ở cao độ cao hơn cả các thanh cao.

Dựa trên tiêu chí tắc thanh quản có thể phân các thanh điệu tiếng Thái Lan thành 2 nhóm:

- Nhóm không có hiện tượng tắc thanh quản. Thuộc nhóm này là các thanh có đường nét bằng phẳng, không đổi hướng. Đó là thanh Xả-măn, thanh Êệk, thanh Tri.

- Nhóm có hiện tượng tắc thanh quản; đó là thanh Thô và thanh Chặt-ta-wa. Thanh Thô có hiện tượng tắc thanh quản ở đoạn cuối âm tiết; thanh Chặt-ta-wa có hiện tượng tắc thanh quản ở đoạn đổi hướng từ thấp đi lên cao.

Có thể gọi tên đầy đủ cho các thanh như sau:

1) Thanh Xả-măn: Thanh Trung, bằng phẳng, không đổi hướng, không tắc thanh quản.

2) Thanh Êệk: Thanh Thấp, bằng phẳng, không đổi hướng, không tắc thanh quản.

3) Thanh Thô: Thanh Cao, không bằng phẳng, đổi hướng, có tắc thanh quản.

4) Thanh Tri: Thanh Cao, bằng phẳng, không đổi hướng, không tắc thanh quản.

[5] Xem: Kan-chạ-na Nák-xạ-kun. *Hệ thống ngữ âm tiếng Thái Lan*. Khoa Văn khoa, Đại học Chụ-la-lông-kon xuất bản, Băng-cốc, 1977. (Bằng tiếng Thái Lan)

5) Thanh Chặt-ta-wa: Thanh Thấp, không bằng phẳng, đổi hướng, có tắc thanh quản.

Như vậy, 2 tiêu chí rất quan trọng và không thể thiếu được trong việc tham gia khu biệt các thanh điệu đó là Cao độ và Đường nét. Có nghĩa là các thanh được khu biệt với nhau hoặc bằng Cao độ hoặc bằng Đường nét. Còn tiêu chí tắc thanh quản, hay nói cách khác là tiêu chí chất giọng thì chỉ có tính chất bổ sung.

2. Chức năng và khả năng kết hợp của các thanh điệu

Chức năng quan trọng nhất của thanh điệu là bao trùm lên toàn bộ âm tiết để tạo nên những âm điệu và âm sắc khác nhau cho các âm tiết làm cho tiếng Thái Lan có nhạc tính rất rõ ràng, đồng thời những sự khác nhau đó cũng góp phần vào việc khu biệt nghĩa. Chức năng thứ hai là thanh điệu có những phân bổ nhất định để kết hợp với các nguyên âm và phụ âm cuối tạo nên một vần hoàn chỉnh. Như vậy, tất cả các âm tiết đều có thanh điệu đi kèm. Vấn đề ở đây là những thanh nào sẽ đi với những âm tiết loại nào? Đây cũng chính là khả năng kết hợp của các thanh trong tiếng Thái Lan.

Khi nói đến khả năng kết hợp của các thanh, có nghĩa là nói đến khả năng kết hợp của các thanh với phần vần của âm tiết. Bởi vì bất kì thanh nào cũng có thể đi được với bất kì phụ âm đầu nào, nhưng khả năng kết hợp của các thanh lại phụ thuộc vào các loại vần có các phụ âm cuối khác nhau. Như chúng ta đã biết, phần vần của âm tiết tiếng Thái Lan có thể phân thành các loại sau: 1) Phần vần chỉ có nguyên âm, không có phụ âm cuối; 2) Phần vần có các phụ âm cuối [-m -n -ŋ -β -j]; 3) Phần vần có các phụ âm cuối [-p -t -k -ʔ]. Chúng ta hãy lần lượt khảo sát từng trường hợp.

2.1. Khả năng kết hợp của thanh điệu với phần vần không có phụ âm cuối hoặc có các phụ âm cuối [-m -n -ŋ -β -j]:

Tất cả 5 thanh của tiếng Thái Lan đều có thể kết hợp được với các loại âm tiết có phần vần thuộc loại này.Ví dụ:

1) Thanh Xả-măn:

คา [kʻa] "chặn" ; ตาม [tam] "theo";

ทาน [tʻan] "xơi" ; ทาง [tʻaŋ] "đường, lối";

ดาว [dau] "(ngôi) sao"; ตาย [tai] "chết".

2) Thanh Êệk:

ข่า [kʻà] "(củ) riềng"; อิ่ม [ʔìm] "no";

หมื่น [mɯn] "vạn".

3) Thanh Thô:

ค่า [kʻa^] "giá"; ห้าม [ham^] "cấm";

บ้าน [ban^] "nhà"; ล่าง [laŋ^] "dưới";

เล่า [lau^] "kể".

4) Thanh Tri:

ค้า [kʻa´] "buôn"; น้ำ [nam´] "nước";

ล้าน [lan´] "triệu"; ล้าง [laŋ´] "rửa";

เลี้ยว [lieu´] "rẽ".

5) Thanh Chặt-ta-wa:

ขา [kʻaˇ] "chân"; แหลม [lɛmˇ] "nhọn"

หลาน [lanˇ] "cháu" ; หาง [haŋˇ] "đuôi"

เหนียว [nieuˇ] "dính".

2.2. Khả năng kết hợp của thanh điệu với phần vần có các phụ âm cuối [-p -t -k -ʔ]:

Thanh Xả-măn và thanh Chặt-ta-wa không thể kết hợp được với âm tiết có phần vần thuộc loại này. Như vậy chỉ có thanh Êệk, thanh Thô, thanh Tri mới kết hợp được với các vần thuộc loại này.Ví dụ:

1) Thanh Êệk:

เตะ [tĕʔˡ] "đá (động từ)"; จับ [tʻipˡ] "đạp";

จิด [cɯtˡ] "nhạt"; หาก [hakˡ] "nếu"

เจ็บ [cĕpˡ] "đau".

2) Thanh Thô:

ค่ะ [kʻăʔ^] "vâng"; ริบ [rip^] "vội".

วาด [βat^] "vẽ"; มาก [mak^] "nhiều".

3) Thanh Tri:

และ [lĕʔ´] "và (liên từ)"; เย็บ [jĕp ´] "khâu, may"; ลด [lŏt´] "hạ, giảm"; รัก [răk´] "yêu"; แป๊บ [pɛp´] "chốc, lát".

Có thể lập thành một bảng như sau:

Loại âm tiết có Thanh điệu	-m -n -ŋ -β -j		-p -t -k -ʔ	
	N.Â ngắn	N.Â dài	N.Ân gắn	N.Â dài
Thanh Xả-măn	+	+		
Thanh Êệk	+	+	+	+

Thanh Thô	+	+	+	+
Thanh Tri	+	+	+	+
Thanh Chặt-ta-wa	+	+		

2.3. Trong các âm tiết có các phụ âm cuối là phụ âm tắc [-p], [-t], [-k], [-ʔ] thì thanh điệu đã bị biến đổi do ảnh hưởng của các phụ âm cuối này. Nhìn lên bảng trên chúng ta thấy có 3 thanh kết hợp được với các phụ âm cuối [-p], [-t], [-k], [-ʔ], đó là thanh Êệk, thanh Thô và thanh Tri. Thanh Thô hầu như không bị ảnh hưởng bởi [-p], [-t], [-k], [-ʔ]. Còn lại Thanh Êệk và Tri thì sẽ có những biến thể trong khi kết hợp với [-p], [-t], [-k], [-ʔ].

2.3.1. Thanh Êệk trong âm tiết có các phụ âm cuối [-p], [-t], [-k], [-ʔ] đã bị ngừng ngắt đột ngột, mà rõ nhất là khi đi cùng với nguyên âm ngắn hoặc rõ hơn nữa là đi cùng với phụ âm cuối [-ʔ], và được cấu âm với một trường độ chỉ bằng khoảng 3/4 trường độ của thanh Êệk bình thường. Một nửa thời gian đầu đường nét của thanh này trùng với thanh Êệk bình thường nhưng sau đó đi chúc xuống và ngừng đột ngột ở cao độ thấp. Do bị ngừng ngắt đột ngột nên đã có hiện tượng tắc thanh hầu mạnh ở cuối âm tiết. Như vậy đã có sự thay đổi về chất giọng từ chỗ thanh Êệk không có yếu tố tắc thanh hầu chuyển sang thanh Êệk có yếu tố tắc thanh hầu. Nhưng yếu tố chất giọng này không có tác dụng khu biệt nghĩa bởi lẽ thanh này chỉ xuất hiện ở bối cảnh đi cùng với các phụ âm cuối [-p], [-t], [-k], [-ʔ]. Vậy có thể gọi đây là "Thanh Êệk biến thể" và đặc điểm ngữ âm học của nó tương tự với thanh Nặng của tiếng Việt. Xin nêu một số ví dụ như sau:

อาบ [ʔap˥] "tắm"; ขาด [kʻat˥] "rách"; ตาก [tak˥] "phơi"; จะ [căʔ˥] "sẽ"; กับ [kăp˥] "với".

2.3.2. Thanh Tri trong âm tiết có các phụ âm cuối [-p], [-t], [-k], [-ʔ] cũng đã bị ngừng ngắt đột ngột, mà rõ nhất là khi đi cùng với nguyên âm ngắn hoặc rõ hơn nữa là đi cùng với phụ âm cuối [-ʔ], và được cấu âm với một trường độ chỉ bằng khoảng 3/4 trường độ của thanh Tri bình thường. Một nửa thời gian đầu đường nét của thanh này trùng với thanh Tri bình thường nhưng sau đó đi vút lên trên và ngừng đột ngột ở cao độ cao. Do bị ngừng ngắt đột ngột nên đã có hiện tượng tắc thanh hầu mạnh ở cuối âm tiết. Cũng như thanh Êệk, thanh này cũng đã có sự chuyển biến từ chỗ thanh Tri không có yếu tố tắc thanh hầu thành thanh Tri có yếu tố tắc thanh hầu. Yếu tố chất giọng này cũng không có tác dụng khu biệt nghĩa bởi lẽ thanh này chỉ xuất hiện ở bối cảnh đi cùng với các phụ âm cuối [-p], [-t], [-k], [-ʔ]. Vậy chỉ có thể gọi đây là "Thanh Tri biến thể" mà thôi. Xin nêu một số ví dụ như sau:

แป๊บ [pɛp´] "chốc, lát"; จุ๊ด [cut´] "tót, vút";

เก๊ก [kek´] "tống, đuổi"

Với những nhận xét trên đây tôi xin biểu diễn các thanh của tiếng Thái Lan bằng một đồ thị tổng quát dựa trên cơ sở đồ thị của Kan-chạ-na Nák-xạ-kun như sau:

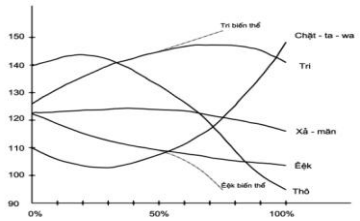

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abramson (1962), *The vowels and tones of 5 standard Thai: Acoustical measurements and experiments*. IJAL 28.2, Part II.

2. Kan-chạ-na Nák-xạ-kun (1977), *Hệ thống ngữ âm tiếng Thái Lan*. Khoa Văn khoa, Đại học Chụ-la-lông-kon xuất bản, Băng-cốc.

3. Nguyễn Tương Lai (2001), *Tiếng Thái Lan*. Trong: "Các ngôn ngữ phương Đông"; Nxb Đại học Quốc gia, H.,. tr. 519 - 587.

4. Pim-xển Bua-ra-pa (2005), *Phân tích tương phản hệ thống thanh điệu tiếng Thái Lan và tiếng Việt - ứng dụng phân tích lỗi và sửa lỗi phát âm thanh điệu cho người Thái Lan học tiếng Việt*; Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.

5. Quế Lai (1976), *Tiếng Thái Lan*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 4.

6. Rương-đệt Păn-khuờn-khặt (1998), *Nghiên cứu tiếng Thái Lan*. Trường Đại học Ma-hị-đôn xuất bản, Băng Cốc.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 24-06-2014)